

Số: 73/QĐ - UBND

Tùng Châu, ngày 06 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ các đơn vị
trên địa bàn toàn xã trong thực hiện xây dựng NTM năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định 176/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng, hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng năm 2023 trên địa bàn huyện.

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách và bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện;

Căn cứ thông báo kết luận của ban thường vụ Đảng ủy xã Tùng Châu ngày 06/04/2023 về việc tập trung chỉ đạo và ban hành cơ chế hỗ trợ các nguồn lực XD NTM năm 2023;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của văn phòng NTM, Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ trong xây dựng NTM năm 2023 trên địa bàn xã như sau:

1. Đối với Công trình đường giao thông, rãnh thoát nước trên hệ thống đường giao thông, kênh mương nội đồng:

1.1. Quy mô tối thiểu các loại đường:

- Đường trục thôn (đường ngõ phố): Quy mô B_{nền}=5,0m, B_{lề}=0,75m, B_{mặt}= 3,5m, mặt đường BTXM dày 16cm đá 2x4 (1x2) mác 250# độ sụt 2÷4.

- Đường ngõ, xóm (đường ngách, hẻm): Quy mô B_{nền}=5,0m, B_{lề}=1,0m, B_{mặt}=3,0m, mặt BTXM dày 14cm đá 2x4 (1x2) mác 200# độ sụt 2÷4.

- Đường trục chính nội đồng: Quy mô B_{nền}=5,0m, B_{lề}=1,0m, B_{mặt}=3,0m, mặt đường BTXM dày 14cm đá 2x4 (1x2) mác 200# độ sụt 2÷4.

- Phần kết cấu mặt ghi ở các mục trên là ở mức độ tối thiểu, khi triển khai thực tế cần đối chiếu với tình trạng nền đường để bổ sung thêm phần móng hoặc có thể thay thế các vật liệu địa phương sẵn có đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật như cuội sỏi, móng cát, móng gia cố vôi, gia cố xi măng... với chiều dày tính toán đạt yêu cầu.

Hỗ trợ 100% xi măng xây dựng đường bê tông GTNT đảm bảo tối thiểu mặt đường 5m , đảm bảo chiều dày theo quy định của từng loại đường trục thôn, ngõ xóm. Chiều dài tối thiểu tuyến đường từ 50m trở lên.(Có lập dự toán, kế hoạch duyệt trước khi thực hiện)

1.2. Quy mô tối thiểu các loại rãnh (có nắp đậy và không có nắp đậy):

TT	Loại rãnh	Quy mô rãnh	Kết cấu rãnh	Định mức xi măng tính cho 1km rãnh (tấn/km)
I	Rãnh trên đường trục xã			
1	Rãnh xây gạch	BxH=50x60cm (H trung bình)	Đáy rãnh BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm; thành rãnh dày 22cm bằng gạch xây vữa M75; nắp đậy (nếu có) bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn	81,34 tấn (có nắp)/ 55,20 (không nắp)
2	Rãnh bê tông	BxH=50x60cm (H trung bình)	Đáy và thành rãnh bằng BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm; nắp đậy (nếu có) bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn	79,66 tấn (có nắp)/ 66,73 tấn (không nắp)
II	Rãnh trên đường trục thôn			

1	Rãnh xây gạch	BxH=40x50cm (H trung bình)	Đáy rãnh BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm; Thành rãnh dày 22cm bằng gạch xây vữa M75; nắp đậy (nếu có) bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn	71,44 tấn (có nắp)/ 47,89 tấn (không nắp)
2	Rãnh bê tông	BxH=40x50cm (H trung bình)	Đáy và thành rãnh bằng BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm; nắp đậy (nếu có) bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn	67,06 tấn (có nắp)/ 56,72 tấn (không nắp)

1.3. Quy mô kênh mương nội đồng:

Kênh bê tông:

Kênh có kích thước (b x h) = (30x40)cm đến (50x60)cm: Kết cấu kênh bằng BT R_b200 đá (1x2)cm, thành và đáy kênh dày 12cm, phía dưới lót bạt xác rắn, cứ 10m dài kênh bố trí 05 giằng ngang kết cấu bằng BTCT R_b200 đá (1x2)cm kích thước (b x h) = (10x10)cm và 01 khe lún bằng giấy dầu nhựa đường 02 lớp. Kênh có kích thước (b x h) = (60x60)cm đến (110x130)cm: Kết cấu kênh bằng BTCT R_b200 đá (1x2)cm, thành và đáy kênh dày 15cm, phía dưới lót bạt xác rắn, cứ 10m dài kênh bố trí 05 giằng ngang kết cấu bằng BTCT R_b200 đá (1x2)cm kích thước (b x h) = (10x10)cm và 01 khe lún bằng giấy dầu nhựa đường 02 lớp.

Kênh xây gạch:

Mặt cắt hình chữ nhật kích thước (b x h) = (40x40)cm đến (60x70)cm, kết cấu đáy kênh bằng BT R_b200 đá (1x2)cm dày 12cm, phía dưới lót bạt xác rắn, tường kênh bằng gạch xây vữa XM R_v75 dày 22cm, gia trát bằng vữa XM R_v75 dày 1,5cm. Bố trí giằng dọc và giằng ngang bằng bê tông cốt thép R_b200 cho kênh để đảm bảo ổn định, cứ 10m dài kênh bố trí bố trí 05 giằng ngang và 01 khe lún bằng giấy dầu nhựa đường 02 lớp.

Khuyến cáo chỉ nên sử dụng kết cấu gạch xây cho kênh có kích thước (b x h) = (60x70)cm trở xuống.

1.4. Ngân sách các cấp hỗ trợ xi măng cụ thể như sau:

- Đường trục xã, liên xã: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện, ngân sách xã 40%
- Đường trục thôn, liên thôn: Ngân sách tỉnh 30%, ngân sách huyện, ngân sách xã 70%
- Đường ngõ xóm: Ngân sách tỉnh 20%, ngân sách huyện, ngân sách xã 80%

- Đường trục chính nội đồng: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện, ngân sách xã 40%.

- Rãnh thoát nước trục xã: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện, ngân sách xã 40%.

- Rãnh thoát nước trục thôn: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện, ngân sách xã 50%.

- Kênh mương nội đồng: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện, ngân sách xã 40%.

Ngoài ra, ngân sách huyện hỗ trợ thêm 10.000 viên gạch (loại gạch đặc kích thước 6,5*10,5*22cm cho 1km kênh xây gạch hoặc hỗ trợ 18.000.000 đồng/1km kênh bê tông).

*Lưu ý: Áp dụng cho các loại kênh có kích thước (BxH từ 40*40cm) trở lên.*

2. Hỗ trợ di dời công trình vệ sinh 1 ngăn, 2 ngăn không hợp vệ sinh để xây dựng công trình vệ sinh tự hoại;

** Đối tượng hỗ trợ:*

- Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Thương binh, bệnh binh đang hưởng chế độ hàng tháng.
- Gia đình Bà mẹ việt nam anh hùng, bố, mẹ, chồng, vợ Liệt sỹ đang hưởng tuất hàng tháng.
- Gia đình có người tàn tật.

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 02 triệu đồng/hộ.

** Nguồn kinh phí:* Ngân sách cấp tỉnh theo NQ số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh.

** Ngoài các đối tượng hỗ trợ theo NQ 44/2021/NQ - HĐND tỉnh. Ngân sách xã hỗ trợ 01 triệu đồng/ hộ .Trích từ nguồn KDCM Thanh Kim, Tân An mỗi KDCM 10 hộ. Số còn lại trích nguồn ngân sách xã hỗ trợ.*

Lưu ý: Yêu cầu các hộ gia đình có đơn đăng ký xây dựng nộp về UBND xã trước ngày 30/6/2023; và hoàn thiện công trình trước ngày 30/09/2023. Sau thời gian này, UBND xã sẽ không nghiệm thu và hỗ trợ kinh phí.

Đối với các hộ thực hiện xây dựng trong năm (Từ ngày 01/01/2023 được hỗ trợ trong năm 2023)

3. Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình phân loại, xử lý nước thải:

- Tổng số mô hình hỗ trợ (Theo NQ 46/NQ- HĐND huyện ngày 30/12/2022): 50 mô hình; trong đó :

+ Thôn Tân An, Thanh Kim: 15 mô hình/thôn;

+ Các thôn còn lại: 4 mô hình/thôn;

- *Mức hỗ trợ*: 1.000.000 đồng/mô hình/hộ (mỗi hộ chỉ hỗ trợ 01 mô hình theo đúng thiết kế mẫu).

- *Nguồn kinh phí*: + Ngân sách cấp huyện, xã hỗ trợ 50 mô hình của 7 thôn;

+Trích tiền thưởng KDC mẫu Tân An 25 mô hình và Thanh Kim 25 mô hình.

4. Hỗ trợ kinh phí xây dựng bể ủ xử lý rác tại hộ:

- *Mức hỗ trợ*: 200.000 đồng/bể xây/hộ (mỗi hộ chỉ hỗ trợ 01 bể xây 02 ngăn theo đúng thiết kế mẫu).

- *Nguồn kinh phí*: + Ngân sách cấp xã hỗ trợ bể xây của 7 thôn (Thực hiện từ 01/01/2023 đến 30/9/2023)

5. Hỗ trợ tháo dỡ, di dời hàng rào (Hàng rào bê tông đã xây dựng lùi vào để mở rộng đường GTNT, GTNX trong quy hoạch xây dựng xã nâng cao năm 2023)

Ngân sách xã hỗ trợ: 70kgXM/1m tường rào: Hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật;

6. Hỗ trợ xây dựng bồn hoa các tuyến đường theo quy hoạch của đơn vị thôn xóm đạt tiêu chí hàng rào xanh.

Ngân sách xã hỗ trợ: 4kg XM/1m bồn hoa: Hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật;

Lưu ý: Các nội dung đầu tư xây dựng phải xây dựng theo thiết kế mẫu, được lập và phê duyệt của cấp nhà nước có thẩm quyền. Các nội dung hỗ trợ phải được thực hiện trước 30/9/2023 có xác nhận của BCH các đơn vị thôn xóm và được phê duyệt quyết toán qua BCĐ XDNTM xã.

Ngoài phần ngân sách nhà nước và địa phương hỗ trợ xi măng theo tỷ lệ, phần còn lại do nhân dân đóng góp để xây dựng và thanh quyết toán theo quy định nhà nước.

7. Kinh phí từ nguồn đất giá đất tập trung đầu tư xây dựng, chi trả nợ các công trình Trụ sở UBND xã, Trường học, các công trình đường GT dự án triển khai trên địa bàn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đối với công tác xây dựng mô hình phân loại, xử lý nước thải, rác thải tại hộ: Giao cho công chức NNMT chủ trì thực hiện; hội nông dân, hội phụ nữ xây dựng nội dung tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện về phân loại, xử lý rác thải, nước thải, vận động nhân dân triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả.

- Công chức NNMT Tham mưu tiến hành nghiệm thu, lập hồ sơ, tờ trình

đề nghị hỗ trợ gửi UBND huyện phúc tra, phê duyệt hỗ trợ trước ngày 15/10/2023.

2. Ban văn hóa xã: Thường xuyên phát tin, bài trên hệ thống truyền thanh cơ sở, đặc biệt là là tờ rơi tuyên truyền về việc phân loại, xử lý rác thải, nước thải đến hộ gia đình. phối hợp tuyên truyền để nhân rộng mô hình.

3. Ban tài chính xã: Tổng hợp, hướng dẫn các thủ tục thanh quyết toán, tham mưu kinh phí giải ngân hỗ trợ các nội dung đã thực hiện được kịp thời, đúng quy định.

4. Các ban phát triển, Tổ xây dựng NTM các thôn: Lập kế hoạch triển khai tới từng lồi xóm, cụm dân cư, có trách nhiệm tuyên truyền rộng rãi tới các hộ gia đình và toàn thể nhân dân biết và triển khai thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Văn phòng UBND, các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị thôn xóm, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Các thành viên BCĐ XDNTM xã,
- Lưu VPUB - VP NTM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Thơ